

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 69/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hạn mức giao đất ở cho cá nhân
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020

Căn cứ khoản 2 Điều 195 và khoản 2 Điều 196 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 8656/TTr-STNMT-QLĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, Công văn số 9802/STNMT-QLĐ ngày 27 tháng 9 năm 2024 và Báo cáo thẩm định số 5399/BC-STP ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn, tại đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 195 và khoản 2 Điều 196 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân thuộc đối tượng và đủ điều kiện giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

2. Các cơ quan nhà nước có liên quan đến việc giải quyết giao đất ở cho cá nhân.

Điều 3. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn Thành phố

1. Các Quận 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân và thành phố Thủ Đức: không quá 160 m²/cá nhân.

2. Thị trấn các huyện và khu vực đã thực hiện dự án xây dựng đô thị mới theo quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn tại các huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè, Cần Giờ: không quá 200 m²/cá nhân.

3. Các xã của các huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè, Cần Giờ: không quá 250 m²/cá nhân.

Điều 4. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Định kỳ tổng hợp khó khăn vướng mắc và kiến nghị, đề xuất (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chỉ đạo thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

a) Chịu trách nhiệm rà soát và xác định đúng phạm vi, đối tượng áp dụng theo quy định tại Quyết định này và các quy định có liên quan.

c) Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2016 quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Trưởng Ban Tôn giáo Thành phố, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Xuân Cường